

Số: 04/2026/QĐST-KDTM

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 16/01/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 15/2025/TLST-KDTM ngày 10/11/2025;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: số 442 đường N, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Quản lý nợ.

Đại diện tham gia tố tụng: Bà Xà Thị Bích H, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1976 – Chủ hộ kinh doanh Huỳnh Thị P và ông Mai Văn Q, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, thành phố Đà Nẵng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Mai Văn T, sinh năm 1994.

+ Bà Mai Tường V, sinh năm 1997.

+ Bà Mai Quỳnh N, sinh năm 2004.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, thành phố Đà Nẵng.

(Ông Mai Văn T, bà Mai Tường V, bà Mai Quỳnh N ủy quyền cho ông Mai Văn Q tham gia tố tụng).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nghĩa vụ thanh toán: Bà Huỳnh Thị P – Chủ hộ kinh doanh Huỳnh Thị P và ông Mai Văn Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số nợ vay tính đến ngày 16/01/2026 theo Hợp đồng cấp tín dụng số TAK.CN.3034.021024 ngày 04/10/2024 là 6.081.836.009 (Sáu tỷ, không trăm tám một triệu, tám trăm ba sáu nghìn, không trăm lẻ chín) đồng, trong đó nợ gốc 5.599.940.000 (Năm tỷ, năm trăm chín chín triệu, chín trăm bốn mươi nghìn) đồng, nợ lãi trong hạn 22.783.476 (Hai mươi hai triệu, bảy trăm tám ba nghìn, bốn trăm

bảy sáu) đồng, nợ lãi quá hạn 445.497.721 (*Bốn trăm bốn lăm triệu, bốn trăm chín bảy nghìn, bảy trăm hai mốt*) đồng, phạt chậm trả lãi 13.614.812 (*Mười ba triệu, sáu trăm mười bốn nghìn, tám trăm mười hai*) đồng. Hạn cuối cùng phải thanh toán là ngày 31/3/2026.

Kể từ ngày 17/01/2026, bà Huỳnh Thị P – Chủ hộ kinh doanh Huỳnh Thị P và ông Mai Văn Q còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng cấp tín dụng số TAK.CN.3034.021024 ngày 04/10/2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ này.

- Về tài sản thế chấp: Trường hợp bà Huỳnh Thị P – Chủ hộ kinh doanh Huỳnh Thị P và ông Mai Văn Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A, bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 469, tờ bản đồ số 10 tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (*nay là thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng*) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BE 016627 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam (cũ) cấp ngày 08/8/2011 và Đơn đề nghị xác nhận nhà ở do Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (cũ) xác nhận ngày 04/8/2021.

Theo nội dung Hợp đồng thế chấp tài sản số TAK.BĐCN.97.130821 ngày 18/8/2021.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1514, tờ bản đồ số 18 tại thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (*nay là thôn B, xã T, thành phố Đà Nẵng*) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 677366 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam (cũ) cấp ngày 11/9/2017 và Đơn đề nghị xác nhận nhà ở do Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (cũ) xác nhận ngày 04/8/2021.

Theo nội dung Hợp đồng thế chấp tài sản số TAK.BĐCN.103.130821 ngày 18/8/2021.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 628, tờ bản đồ số 26 tại thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (*nay là thôn B, xã T, thành phố Đà Nẵng*) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 445656 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam (cũ) cấp ngày 03/11/2003 và Đơn đề nghị xác nhận nhà ở do Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (cũ) xác nhận ngày 04/8/2021.

Theo nội dung Hợp đồng thế chấp tài sản số TAK.BĐCN.104.130821 ngày 18/8/2021.

Trong trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thì bà Huỳnh Thị P – Chủ hộ kinh doanh Huỳnh Thị P và ông Mai Văn Q phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ. Trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm trả nợ còn thừa thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có trách nhiệm trả lại cho bà Huỳnh Thị P –

Chủ hộ kinh doanh Huỳnh Thị Phúc và ông Mai Văn Q.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.700.000 (*Một triệu, bảy trăm nghìn*) đồng bà Huỳnh Thị P – Chủ hộ kinh doanh Huỳnh Thị P và ông Mai Văn Q phải chịu. Số tiền này Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã nộp đủ. Bà Huỳnh Thị P – Chủ hộ kinh doanh Huỳnh Thị P và ông Mai Văn Q có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.700.000 (*Một triệu, bảy trăm nghìn*) đồng.

- Về án phí: Bà Huỳnh Thị P – Chủ hộ kinh doanh Huỳnh Thị P và ông Mai Văn Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 57.041.000 (*Năm bảy triệu, không trăm bốn một nghìn*) đồng. Ngân hàng Thương mại cổ phần A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.936.000 (*Năm sáu triệu, chín trăm ba sáu nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004968 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 5- Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ninh Minh Tân